TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2020/KDTM-ST
Ngày: 11/9/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

2. Ông Võ Hùng Dương.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hoàng Văn Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 36/2020/TLST-KDTM ngày 16/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-KDTM ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công Ty Cổ Phần K (Gọi tắt là Công Ty K); địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc V – chức vụ: Nhân viên (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2020); có mặt.

2. Bị đơn: Công Ty Cổ Phần A (Gọi tắt là Công ty A); địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Phương Q – chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2020, nguyên đơn Công Ty Cổ Phần K do ông Đoàn Văn T đại diện trình bày:*

Ngày 13/6/2018, Công Ty Cổ Phần K (Gọi tắt là Công Ty K) và Công Ty Cổ Phần A (Gọi tắt là Công ty A) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 57/HĐNT2018 về

việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình của Công ty A. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công Ty K đã thực hiện việc giao hàng tới công trình theo đúng yêu cầu về số lượng và chất lượng của Công ty A. Tuy nhiên, Công ty A không thanh toán giá trị hợp đồng theo đúng thỏa thuận tại Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng trên. Ngày 31/10/2019, hai bên có lập biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty A còn phải thanh toán cho Công Ty K số tiền nợ gốc là 234.008.500 đồng. Mặc dù Công Ty K đã nhiều lần gọi điện, gửi công văn yêu cầu thanh toán nhưng Công ty A vẫn không thực hiện. Do đó, Công Ty K khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán cho Công Ty K số tiền nợ gốc là 234.008.500 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày khởi kiện là: 234.008.500 đồng x 0,05%/ngày x 175 ngày = 20.475.744 đồng. Tổng cộng số tiền là 254.484.244 đồng.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/9/2020, bản tự khai ngày 11/9/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Đặng Quốc V đại diện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ là 43.594.688 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 184.008.536 đồng và thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi là 26.881.020 đồng. Cụ thể: Số tiền lãi tính trên khoản nợ gốc 234.008.500 đồng x 1,2%/tháng x 8 tháng (tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 30/6/2020) = 22.464.816 đồng; số tiền lãi tính trên khoản nợ gốc 184.008.536 đồng x 1,2%/tháng x 02 tháng (tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 30/8/2020) = 4.416.204 đồng, tổng cộng số tiền là 210.889.556 đồng. Bị đơn Công Ty Cổ Phần A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về tố tụng: Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần K đối với bị đơn Công Ty A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo Công văn số 1045/CV-ĐKKD ngày 05/8/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định: Công Ty Cổ Phần A (Gọi tắt là Công ty A) được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702539253, đăng ký lần đầu ngày 01/3/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/4/2017, có địa chỉ trụ sở tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hiện nay, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh ngiệp, hồ sơ chia tách, sáp nhập hay giải thể của Công ty A. Xét thấy, bị đơn Công ty A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi có trụ sở của bị đơn theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Công ty A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Đặng Quốc V đại diện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ là 43.594.688 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc: Giữa Công Ty Cổ Phần K (Gọi tắt là Công Ty K) và Công Ty Cổ Phần A có ký Hợp đồng mua bán số 57/HĐNT2018 ngày 13/6/2018 về việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình của Công ty A. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công Ty K đã thực hiện việc giao hàng tới công trình theo đúng yêu cầu về số lượng và chất lượng của Công ty A. Ngày 31/10/2019, hai bên có ký biên bản xác nhận công nợ bê tông, tổng giá trị công nợ là 234.008.500 đồng. sau khi Công Ty K nộp đơn khởi kiện, ngày 30/6/2020 Công ty A đã thanh toán cho Công Ty K được một phần số nợ gốc, còn nợ lại số tiền là 184.008.536 đồng. Do Công Ty K đã nhiều lần yêu cầu Công ty A phải thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng Công ty A vẫn không thanh toán nên Công Ty K khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán cho Công Ty K số tiền nợ gốc 184.008.536 đồng. Xét thấy: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 57/HĐNT2018 ngày 13/6/2018, biên bản xác nhận công nợ bê tông ngày 31/10/2019 do Công Ty K xuất trình, có đầy đủ chữ ký của người đại diện Công ty A và có đóng dấu của Công ty A, có đủ cơ sở xác định Công ty A còn nợ Công Ty K số tiền là 184.008.536 đồng. Đã quá thời hạn thanh toán do các bên thỏa thuận tại Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán hết công nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 184.008.536 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật thương mại nên có cơ sở để Hội đồng

xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi: Tại bản tự khai ngày 11/9/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Đặng Quốc V đại diện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 26.881.020 đồng. Cụ thể: Số tiền lãi tính trên khoản nợ gốc 234.008.500 đồng x 1,2%/tháng x 8 tháng (tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 30/6/2020) = 22.464.816 đồng; số tiền lãi tính trên khoản nợ gốc 184.008.536 đồng x 1,2%/tháng x 02 tháng (tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 30/8/2020) = 4.416.204 đồng, tổng cộng số tiền là 210.889.556 đồng. Xét thấy, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Do vậy, yêu cầu thanh toán tiền lãi trên của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 306 của Luật thương mại nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[3] Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 24, 34, 35, 37, 50, 55 và Điều 306 của Luật thương mại;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần K đối với bị đơn Công Ty Cổ Phần A về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ là 43.594.688 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần K đối với bị đơn Công Ty Cổ Phần A về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công Ty Cổ Phần A phải có trách nhiệm thanh toán cho Công Ty Cổ Phần K số tiền nợ gốc là 184.008.536 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là 26.881.020 đồng. Tổng cộng số tiền là 210.889.556 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Công Ty Cổ Phần K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công Ty Cổ Phần A chậm thi hành án, thì hàng tháng Công Ty Cổ Phần A còn phải trả cho Công Ty Cổ Phần K tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công Ty Cổ Phần A phải chịu số tiền là 10.544.478 đồng.

- Hoàn trả cho Công Ty Cổ Phần K số tiền 6.362.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0041990 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thanh Tuyền